

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ  
DU LỊCH THỦ ĐỨC**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ  
DU LỊCH THỦ ĐỨC**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 22

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Thủ Đức (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Thành viên**

Ông Nguyễn Hữu Tài	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Tâm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thắng	Thành viên

#### **Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Thanh Tâm	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

### **TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



**Nguyễn Thanh Tâm**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Số: *711* /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Tổng Giám đốc  
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Thủ đức

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Thủ Đức (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2015 từ trang 4 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

### *Trách nhiệm của Tổng Giám đốc*

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 9 và 19 của bản thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty chưa ghi nhận giá trị các tài sản cố định hữu hình được bàn giao từ bên liên doanh là Công ty TNHH Một thành viên An Phú và khoản phải trả người bán tương ứng trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 vì hai bên chưa thống nhất được giá trị bàn giao. Bên cạnh đó, Công ty cũng chưa ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động cho thuê các tài sản cố định hữu hình nêu trên vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 do chưa có cơ sở chắc chắn đối với việc ghi nhận khoản doanh thu và chi phí tương ứng. Theo tài liệu, hồ sơ của Công ty, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị ghi sổ của các tài sản cố định như đã đề cập ở trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được giá trị cần phải điều chỉnh liên quan đến các tài sản cố định và công nợ phải trả tương ứng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như doanh thu và chi phí liên quan đến các tài sản cố định này cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)*

Công ty chưa ghi nhận chi phí thuê đất phát sinh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 với số tiền là 1.059.185.905 đồng. Việc chưa ghi nhận này chưa phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán hiện hành. Nếu chi phí thuê đất được hạch toán đầy đủ thì lợi nhuận kế toán trước thuế cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ giảm đi với số tiền là 1.059.185.905 đồng và khoản phải trả khác trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ tăng lên một khoản tiền tương ứng.

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


### *Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 28 tháng 3 năm 2014 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là số liệu chưa kiểm toán và được trình bày cho mục đích so sánh.



Võ Thái Hòa  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0138-2013-001-1  
Thay mặt và đại diện cho  
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2015  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

  
Trần Thị Kim Khánh  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0395-2013-001-1

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC**

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ  
 Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh  
 CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>33.895.119.733</b>	<b>29.714.476.568</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>6.304.219.714</b>	<b>3.255.025.105</b>
1. Tiền	111		1.304.219.714	1.255.025.105
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	2.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>40.000.000</b>	<b>40.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	40.000.000	40.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>27.251.280.804</b>	<b>26.093.277.864</b>
1. Phải thu khách hàng	131		700.670.100	516.353.804
2. Trả trước cho người bán	132		47.500.000	2.000.000
3. Các khoản phải thu khác	135	7	26.503.110.704	25.574.924.060
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>160.320.628</b>	<b>197.404.476</b>
1. Hàng tồn kho	141		160.320.628	197.404.476
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>139.298.587</b>	<b>128.769.123</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		67.798.587	52.436.932
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	20.332.191
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		71.500.000	56.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>53.705.594.510</b>	<b>54.393.407.219</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.954.786.868</b>	<b>1.973.942.902</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		380.661.453	398.999.305
2. Phải thu dài hạn khác	218	8	1.755.611.177	1.756.429.359
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(181.485.762)	(181.485.762)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>29.736.740.545</b>	<b>30.717.101.203</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	29.430.266.499	30.410.627.157
- Nguyên giá	222		50.720.848.177	50.720.848.177
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.290.581.678)	(20.310.221.020)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		173.581.121	173.581.121
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(173.581.121)	(173.581.121)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		306.474.046	306.474.046
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>21.782.600.000</b>	<b>21.298.400.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	20.000.000.000	20.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	11	1.782.600.000	1.298.400.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>231.467.097</b>	<b>403.963.114</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		215.420.010	366.568.527
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	12	11.047.087	32.394.587
3. Tài sản dài hạn khác	268		5.000.000	5.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>87.600.714.243</b>	<b>84.107.883.787</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC**41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ  
Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh  
CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>15.803.133.814</b>	<b>10.861.462.641</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.881.403.712</b>	<b>8.049.014.371</b>
1. Phải trả người bán	312		94.619.087	113.593.149
2. Người mua trả tiền trước	313		18.900.000	26.850.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	2.217.882.738	2.041.345.593
4. Phải trả người lao động	315	14	2.324.563.900	2.206.842.871
5. Chi phí phải trả	316		44.188.350	129.578.350
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	4.100.157.756	2.313.454.856
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	16	4.081.091.881	1.217.349.552
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.921.730.102</b>	<b>2.812.448.270</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	17	2.899.661.921	2.789.016.452
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		22.068.181	23.431.818
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>71.797.580.429</b>	<b>73.246.421.146</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>71.797.580.429</b>	<b>73.246.421.146</b>
1. Vốn điều lệ	411		68.888.000.000	68.888.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.909.580.429	956.012.180
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	3.402.408.966
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>87.600.714.243</b>	<b>84.107.883.787</b>

*liên*Nguyễn Thị Kim Liên  
Kế toán trưởngNguyễn Thanh Tâm  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2015



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC**

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thới  
 Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh  
 CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
			đến 30/6/2014	đến 30/6/2013 (Chưa kiểm toán)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		14.479.415.707	11.995.442.685
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		190.741.259	150.203.498
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	19	14.288.674.448	11.845.239.187
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	8.848.878.019	8.294.853.665
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		5.439.796.429	3.550.385.522
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	796.840.376	633.715.400
7. Chi phí tài chính	22		-	184.388.888
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	184.388.888
8. Chi phí bán hàng	24		54.859.342	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.964.756.645	1.468.571.878
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		4.217.020.818	2.531.140.156
11. Thu nhập khác	31		443.494.490	61.824.522
12. Chi phí khác	32		75.630.663	72.630.000
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40	23	367.863.827	(10.805.478)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.584.884.645	2.520.334.678
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	838.806.922	474.698.678
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	12	21.347.500	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.724.730.223	2.045.636.000

*Kim Liên*

Nguyễn Thị Kim Liên  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Tâm  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 31 tháng 3 năm 2015

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC**

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thới  
 Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh  
 CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

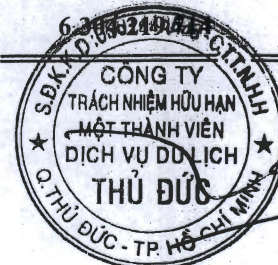
**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

Từ 01/01/2013  
 đến 30/6/2013  
 (Chưa kiểm toán)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 (Chưa kiểm toán)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>4.584.884.645</b>	<b>2.520.334.678</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	980.360.658	941.749.980
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(312.640.376)	(633.715.400)
Chi phí lãi vay	06	-	184.388.888
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>5.252.604.927</b>	<b>3.012.758.146</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(1.602.714.715)	426.288.526
Thay đổi hàng tồn kho	10	37.083.848	17.225.748
Thay đổi các khoản phải trả	11	1.533.911.364	117.405.572
Thay đổi các khoản chi phí trả trước	12	(111.782.382)	6.759.050
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(184.388.888)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(910.034.468)	(658.229.931)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	247.569.244	249.649.244
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.710.083.585)	(800.567.470)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.736.554.233</b>	<b>2.186.899.997</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	-	(492.707.153)
2. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(40.000.000)	(40.000.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	40.000.000	-
4. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	312.640.376	240.959.391
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>312.640.376</b>	<b>(291.747.762)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(2.500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(2.500.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>3.049.194.609</b>	<b>(604.847.765)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>3.255.025.105</b>	<b>1.954.740.654</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>6.294.219.714</b>	<b>1.349.892.889</b>

*Nguyễn Thị Kim Liên*

Nguyễn Thị Kim Liên  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Tâm  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 31 tháng 3 năm 2015

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ  
Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh  
CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Du lịch Thủ Đức (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Dịch vụ Du lịch Thủ Đức, một doanh nghiệp nhà nước có số đăng ký kinh doanh 102301 do Trọng tài Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 01 năm 1993, sau đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301440903 ngày 01 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 102 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 111 người).

#### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, cho thuê mặt bằng và các dịch vụ du lịch khác.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

### 3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

HẠN  
HỒ CHÍ MINH

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC**

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ  
 Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh  
 CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí bán hàng.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10
Tài sản khác	2 - 15

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ  
Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh  
CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng là 10 năm và tài sản cố định vô hình khác được phân bổ khấu hao trong thời gian là 10 năm.

#### **Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Vào các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ.

#### **Đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trên một năm theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC**

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ  
Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh  
CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ việc cho thuê phòng, bán thực phẩm và nước giải khát, dịch vụ giặt là và các dịch vụ khác được ghi nhận khi phát sinh.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích dựa trên lãi suất áp dụng.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC**41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ  
Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh  
CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	219.069.300	455.076.200
Tiền gửi ngân hàng	1.085.150.414	799.948.905
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	2.000.000.000
	<u><u>6.304.219.714</u></u>	<u><u>3.255.025.105</u></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng bằng đồng Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với lãi suất từ 4,5%/năm đến 4,55%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 6%/năm).

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam với kỳ hạn 1 năm tại ngân hàng với lãi suất là 7,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 10%/năm).

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khác từ công ty mẹ (*)	26.298.200.562	25.366.301.392
Phải thu khác	204.910.142	208.622.668
	<u><u>26.503.110.704</u></u>	<u><u>25.574.924.060</u></u>

(\*) Đây là khoản phải thu do nhượng bán khoản đầu tư vào Công ty Sài Gòn Gòn cho Công ty mẹ.

**8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu phần vốn góp liên doanh theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh từ Công ty TNHH MTV An Phú	1.185.276.142	1.185.276.142
Phải thu từ công ty liên kết (Thuyết minh số 27)	555.961.200	555.961.200
Phải thu dài hạn khác	14.373.835	15.192.017
	<u><u>1.755.611.177</u></u>	<u><u>1.756.429.359</u></u>



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC**41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ  
Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh  
CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc và thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2014 và 30/6/2014	45.353.226.922	979.303.295	1.305.525.163	3.082.792.797	50.720.848.177
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	17.453.903.258	979.303.295	854.319.826	1.022.694.641	20.310.221.020
Khấu hao trong kỳ	855.586.272	-	41.164.194	83.610.192	980.360.658
Tại ngày 30/6/2014	18.309.489.530	979.303.295	895.484.020	1.106.304.833	21.290.581.678
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/6/2014	27.043.737.392	-	410.041.143	1.976.487.964	29.430.266.499
Tại ngày 31/12/2013	27.899.323.664	-	451.205.337	2.060.098.156	30.410.627.157

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.823.956.512 đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.997.537.633 đồng).

Theo Biên bản bàn giao tài sản cố định hữu hình ngày 27 tháng 01 năm 2014 liên quan đến các biệt thự và trang thiết bị hình thành từ hợp đồng hợp tác liên doanh với Công ty TNHH Một thành viên An Phú ("An Phú") trong giai đoạn từ ngày 08 tháng 01 năm 1994 đến ngày 08 tháng 01 năm 2014, Công ty và An Phú chưa thống nhất giá trị các tài sản cố định hữu hình nói trên được bàn giao từ An Phú. Vì vậy, Công ty chưa ghi nhận giá trị tài sản cố định hữu hình và khoản phải trả người bán tương ứng trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	30/6/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Đầu tư vào công ty liên kết	20.000.000.000	20.000.000.000

Thông tin về công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và 31 tháng 01 năm 2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Nhà Đồng Hiệp	Số 186 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	46,37%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC**

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thới  
 Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh  
 CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	1.452.600.000	968.400.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu	330.000.000	330.000.000
	<u><u>1.782.600.000</u></u>	<u><u>1.298.400.000</u></u>

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư bằng cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn với tỷ lệ phần sở hữu là 2,48% (năm 2013: 2,48%) và đầu tư bằng tiền vào Công ty Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu với tỷ lệ phần sở hữu là 10% (năm 2013: 10%).

**12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	Chi phí phải trả
	<u>VND</u>
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2013	11.047.087
Ghi nhận vào thu nhập trong năm	<u>21.347.500</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	32.394.587
Ghi nhận vào chi phí trong kỳ	<u>(21.347.500)</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	<u><u>11.047.087</u></u>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền thu cho thuê nhà phải nộp vào Ngân sách Nhà nước	1.353.508.498	1.243.813.619
Thuế thu nhập doanh nghiệp	389.528.092	449.392.001
Thuế giá trị gia tăng	180.707.538	174.530.662
Thuế đất	242.417.920	145.260.360
Thuế tiêu thụ đặc biệt	38.605.595	28.348.951
Thuế thu nhập cá nhân	4.739.640	-
Thuế khác	8.375.455	-
	<u><u>2.217.882.738</u></u>	<u><u>2.041.345.593</u></u>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả lương	1.877.094.523	1.795.426.531
Phải trả phí phục vụ	447.469.377	411.416.340
	<u><u>2.324.563.900</u></u>	<u><u>2.206.842.871</u></u>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC**41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ  
Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh  
CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả Ủy Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 9 (*)	874.543.200	874.543.200
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	208.550.000	153.330.000
Phải trả lỗ phân chia theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Một thành viên An Phú	120.425.364	120.425.364
Phải trả kinh phí công đoàn	17.034.720	5.917.440
Phải trả Công ty Cổ phần Dịch vụ Địa ốc Sài Gòn (**)	716.566.152	397.317.057
Phải trả trợ cấp di dời	-	474.161.246
Phải nộp lợi nhuận năm 2013 và 6 tháng đầu năm 2014 về Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên	1.868.868.755	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	294.169.565	287.760.549
	<u><b>4.100.157.756</b></u>	<u><b>2.313.454.856</b></u>

(\*) Đây là tiền bồi thường đất thu hộ Ủy ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh từ các cá nhân mua nhà trong dự án tái định cư 26/3.

(\*\*) Đây là khoản phải trả vốn góp liên doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Dịch vụ Địa ốc Sài Gòn. Kết quả kinh doanh của liên doanh được phân ánh dựa trên lợi nhuận được chia theo tỷ lệ góp vốn của các bên. Chi tiết các khoản phải trả liên quan đến Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Dịch vụ Địa ốc Sài Gòn như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả lợi nhuận chia theo Hợp đồng hợp tác đầu tư	451.261.388	220.124.824
Vốn góp liên doanh phải trả cho Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Dịch vụ Địa ốc Sài Gòn (Ngắn hạn)	265.304.764	177.192.233
	<u><b>716.566.152</b></u>	<u><b>397.317.057</b></u>

**16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01 tháng 01	1.217.349.552	887.841.341
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.621.356.329	831.899.171
Hỗ trợ từ công ty mẹ	-	600.000.000
Tặng khác	-	6.240.000
Chi trong kỳ/năm	(757.614.000)	(1.108.630.960)
Tại ngày 30 tháng 6 và 31 tháng 12	<u><b>4.081.091.881</b></u>	<u><b>1.217.349.552</b></u>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC**

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ  
Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh  
CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Ký quỹ dài hạn	2.146.729.880	1.947.971.880
Vốn góp liên doanh phải trả cho Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Dịch vụ Địa ốc Sài Gòn (Dài hạn)	752.932.041	841.044.572
	<b><u>2.899.661.921</u></b>	<b><u>2.789.016.452</u></b>

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn thay đổi lần thứ 3 số 0301440903 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2013, tổng vốn điều lệ của Công ty là 68.888.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty du lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên	<b><u>68.888.000.000</u></b>	<b><u>100</u></b>	<b><u>68.888.000.000</u></b>	<b><u>100</u></b>

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng VND
				VND	%	
Tại ngày 01/01/2013	68.888.000.000	-	595.333.108	4.233.965.695	73.717.298.803	73.717.298.803
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.738.694.990	4.738.694.990	4.738.694.990
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	360.679.072	(360.679.072)	-	-
Kết chuyển sang quỹ đầu tư phát triển	-	956.012.180	(956.012.180)	-	-	-
Trích phí phục vụ phải trả công nhân viên	-	-	-	(460.033.626)	(460.033.626)	(460.033.626)
Phân chia lợi nhuận cho bên liên doanh	-	-	-	(220.124.824)	(220.124.824)	(220.124.824)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(831.899.171)	(831.899.171)	(831.899.171)
Tiền thu cho thuê phải nộp vào Ngân sách Nhà nước	-	-	-	(1.243.813.619)	(1.243.813.619)	(1.243.813.619)
Thuế truy thu phải nộp Ngân sách Nhà nước	-	-	-	(39.488.931)	(39.488.931)	(39.488.931)
Chuyển lợi nhuận và quỹ về công ty mẹ	-	-	-	(2.414.212.476)	(2.414.212.476)	(2.414.212.476)
Tại ngày 31/12/2013	68.888.000.000	956.012.180	-	3.402.408.966	73.246.421.146	73.246.421.146
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	3.724.730.223	3.724.730.223	3.724.730.223
Trích phí phục vụ phải trả công nhân viên	-	-	-	(250.129.037)	(250.129.037)	(250.129.037)
Phân chia lợi nhuận cho bên liên doanh	-	-	-	(231.136.564)	(231.136.564)	(231.136.564)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.621.356.329)	(3.621.356.329)	(3.621.356.329)
Kết chuyển sang quỹ đầu tư phát triển	-	1.953.568.249	-	(1.953.568.249)	-	-
Thuế truy thu	-	-	-	(24.282.546)	(24.282.546)	(24.282.546)
Tiền thu cho thuê phải nộp vào Ngân sách Nhà nước	-	-	-	(109.696.879)	(109.696.879)	(109.696.879)
Điều chỉnh phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2012	-	-	-	931.899.170	931.899.170	931.899.170
Chuyển lợi nhuận của năm 2013 về công ty mẹ	-	-	-	(705.331.549)	(705.331.549)	(705.331.549)
Chuyển lợi nhuận của 6 tháng đầu năm 2014 về công ty mẹ	-	-	-	(1.163.537.206)	(1.163.537.206)	(1.163.537.206)
Tại ngày 30/6/2014	<b><u>68.888.000.000</u></b>	<b><u>2.909.580.429</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>71.797.580.429</u></b>	<b><u>71.797.580.429</u></b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC**41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ  
Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh  
CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 (Chưa kiểm toán) VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu phòng	5.855.489.224	4.883.548.391
Doanh thu cho thuê mặt bằng	3.332.365.732	2.683.477.913
Doanh thu ăn uống	2.984.673.978	2.572.926.068
Doanh thu dịch vụ xoa bóp	787.186.147	619.887.442
Doanh thu dịch vụ hồ bơi	547.082.723	509.410.910
Doanh thu phí dịch vụ	329.761.171	270.509.616
Doanh thu dịch vụ khác	642.856.732	455.682.345
	<b>14.479.415.707</b>	<b>11.995.442.685</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Thuế tiêu thụ đặc biệt	<b>190.741.259</b>	<b>150.203.498</b>

Công ty chưa ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh liên quan đến nghiệp vụ cho thuê các tài sản cố định hữu hình như đã trình bày tại Thuyết minh số 9 vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến 30 tháng 6 năm 2014 vì chưa có cơ sở chắc chắn cho việc ghi nhận doanh thu cùng các chi phí có liên quan.

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 (Chưa kiểm toán) VND
Giá vốn kinh doanh phòng	3.616.041.291	4.021.673.643
Giá vốn cho thuê mặt bằng	1.498.747.794	1.049.365.456
Giá vốn kinh doanh ăn uống	2.669.276.177	2.298.883.633
Giá vốn kinh doanh dịch vụ xoa bóp	505.659.050	513.066.272
Giá vốn kinh doanh dịch vụ hồ bơi	416.169.492	334.261.459
Giá vốn dịch vụ khác	142.984.215	77.603.202
	<b>8.848.878.019</b>	<b>8.294.853.665</b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 (Chưa kiểm toán) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.924.936.105	1.706.134.119
Chi phí nhân công	5.093.227.528	3.826.971.590
Chi phí khấu hao tài sản cố định	980.360.658	941.749.980
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.313.053.282	1.329.502.271
Chi phí khác	1.556.916.433	1.959.067.583
	<b>10.868.494.006</b>	<b>9.763.425.543</b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC**41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ  
Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh  
CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 (Chưa kiểm toán) VND
Cổ tức được chia	702.090.000	228.783.958
Lợi nhuận được chia từ liên doanh	-	392.756.009
Lãi tiền gửi	94.750.376	12.175.433
	<u>796.840.376</u>	<u>633.715.400</u>

**23. LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 (Chưa kiểm toán) VND
Thu nhập khác	<u>443.494.490</u>	<u>61.824.522</u>
Chi phí khác	<u>75.630.663</u>	<u>72.630.000</u>
Lợi nhuận/(lỗ) khác	<u>367.863.827</u>	<u>(10.805.478)</u>

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 (Chưa kiểm toán) VND
Lợi nhuận trước thuế	4.584.884.645	2.520.334.678
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(787.480.000)	(621.539.967)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.710.000	-
Thu nhập chịu thuế áp dụng thuế suất thông thường	<u>3.801.114.645</u>	<u>1.898.794.711</u>
Thuế suất	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp cho các năm trước	2.561.700	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>838.806.922</u>	<u>474.698.678</u>

**25. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 (Chưa kiểm toán) VND
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	<u>391.265.115</u>	<u>686.865.908</u>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC**

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ  
 Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh  
 CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	1.095.384.480	748.016.919
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.159.719.744	2.992.067.674
Sau năm năm	17.825.472.727	19.874.236.415
	<u><b>22.080.576.951</b></u>	<u><b>23.614.321.008</b></u>

Cam kết thuê hoạt động thể hiện giá trị tiền thuê đất phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với đơn giá thuê hàng tháng sẽ được thỏa thuận riêng theo từng hợp đồng với thời hạn thuê của từng hợp đồng thuê đất là 50 năm.

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.304.219.714	3.255.025.105
Phải thu khách hàng	899.845.791	733.867.347
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.000.000	40.000.000
Các khoản ký quỹ	71.000.000	61.000.000
	<u><b>7.315.065.505</b></u>	<u><b>4.089.892.452</b></u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	94.619.087	113.593.149
Chi phí phải trả	44.188.350	129.578.350
	<u><b>138.807.437</b></u>	<u><b>243.171.499</b></u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC**

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ  
 Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh  
 CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá hàng hóa) và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.304.219.714	-	6.304.219.714
Phải thu khách hàng	700.670.100	199.175.691	899.845.791
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.000.000	-	40.000.000
Các khoản ký quỹ	66.000.000	5.000.000	71.000.000
	<b>7.110.889.814</b>	<b>204.175.691</b>	<b>7.315.065.505</b>
<b>Công nợ tài chính</b>			
Phải trả người bán	94.619.087	-	94.619.087
Chi phí phải trả	44.188.350	-	44.188.350
	<b>138.807.437</b>	<b>-</b>	<b>138.807.437</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>6.972.082.377</b>	<b>204.175.691</b>	<b>7.176.258.068</b>

202-C  
 H  
 Y  
 T  
 U H A N  
 T E  
 M  
 C H I  
 V I

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC**41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ  
Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh  
CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.255.025.105	-	3.255.025.105
Phải thu khách hàng	516.353.804	217.513.543	733.867.347
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.000.000	-	40.000.000
Các khoản ký quỹ	56.000.000	5.000.000	61.000.000
	<u>3.867.378.909</u>	<u>222.513.543</u>	<u>4.089.892.452</u>
<b>Công nợ tài chính</b>			
Phải trả người bán	113.593.149	-	113.593.149
Chi phí phải trả	129.578.350	-	129.578.350
	<u>243.171.499</u>	<u>-</u>	<u>243.171.499</u>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuận</b>	<u>3.624.207.410</u>	<u>222.513.543</u>	<u>3.846.720.953</u>

Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**27. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Nhà Đồng Hiệp

Công ty mẹ  
Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 (Chưa kiểm toán) VND
<b>Vay</b>		
Chi phí lãi vay trả cho Công ty mẹ	-	184.388.888
Thanh toán nợ gốc vay cho Công ty mẹ	-	2.500.000.000

Thu nhập của Hội đồng Thành viên và Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 (Chưa kiểm toán) VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	<u>672.566.991</u>	<u>551.042.496</u>





**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ DU LỊCH THỦ ĐỨC**

41 Nguyễn Văn Bá, Phường Bình Thọ  
 Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh  
 CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014  
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/6/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Phải thu khác từ Công ty mẹ	26.298.200.562	25.366.301.392
Phải thu dài hạn khác từ Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Nhà Đồng Hiệp (*)	<u>555.961.200</u>	<u>555.961.200</u>

(\*) Phải thu khác từ Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Nhà Đồng Hiệp thể hiện số tiền Công ty ứng trước cho Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Nhà Đồng Hiệp để thanh toán bồi thường đất bỏ sung cho lô đất 17.418 m<sup>2</sup> tại Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.



Nguyễn Thị Kim Liên  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Tâm  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 31 tháng 3 năm 2015

